

Số: 1063/BC-UBND

Khánh Sơn, ngày 14 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
quyết toán chi ngân sách huyện năm 2021

Thực hiện Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn khóa VIII, kỳ họp thứ 11 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện; phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2021;

Căn cứ Khoản 2, Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp về lập quyết toán ngân sách huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo trình Hội đồng nhân dân huyện về quyết toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách huyện năm 2021 như sau:

A. Quyết toán thu ngân sách nhà nước:

I. Quyết toán thu ngân sách trên địa bàn:

Tổng thu NSNN phát sinh trên địa bàn (thu nội địa từ SXKD trong nước) năm 2021 là 23.764.173.639/16.430.000.000 đồng, đạt và vượt 45% so với dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân huyện (DT tỉnh & HĐND). Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thực hiện 20.222.407.925/14.030.000.000 đồng, đạt và vượt 44% DT tỉnh & HĐND giao, cụ thể:

Các khoản thu trong cân đối: 23.764.173.639/16.430.000.000 đồng, đạt và vượt 45% so với DT tỉnh & HĐND. Có 9/10 khoản thu đạt và vượt dự toán, trong đó:

1. Các khoản thu từ DNNN địa phương: 121.122.984 đồng. Trong đó:
 - Thu thuế GTGT hàng SXKD trong nước: 76.811.240 đồng.
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp: 44.311.744 đồng.
2. Thu thuế từ khu vực CTN ngoài quốc doanh: 10.806.032.671/8.400.000.000 đồng, đạt và vượt 29% so với DT tỉnh & HĐND, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2020. Bao gồm: Thuế giá trị gia tăng: 10.495.344.044/7.200.000.000 đồng, đạt và vượt 46% so với DT tỉnh & HĐND;

Thuế thu nhập doanh nghiệp: 310.617.490/1.000.000.000 đồng, chỉ đạt 31% so với DT tỉnh & HĐND, nguyên nhân không đạt kế hoạch chủ yếu do năm 2021 ảnh hưởng từ tình hình dịch bệnh nên các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh được miễn, giảm, hoãn đóng thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế Tài nguyên: 71.137/200.000.000 đồng, không đạt chỉ tiêu so với DT tỉnh & HĐND.

3. Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện: 4.067.442.444/2.500.000.000 đồng, đạt và vượt 63% so với DT tỉnh & HĐND, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020. Số thu này tăng so với dự toán được giao là do trong năm đăng ký lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, đăng ký quyền sở hữu sử dụng nhà, đất tăng.

4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp: Thực hiện: 31.613 đồng, khoản thu này không giao dự toán.

5. Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện: 1.894.301.616/1.400.000.000 đồng, đạt và vượt 35% so với DT tỉnh & HĐND, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2020.

6. Thu phí, lệ phí: Thực hiện 576.382.397/400.000.000 đồng, đạt và vượt 44% so với DT tỉnh & HĐND, tăng 47% so với cùng kỳ năm 2020.

7. Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 3.541.765.714/2.400.000.000 đồng, đạt và vượt 48% so với DT tỉnh & HĐND, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020. Nguồn thu này vượt cao so với dự toán là do trong năm tình hình mua bán, sang nhượng đất, cấp sổ quyền sử dụng đất tăng so với cùng kỳ.

8. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Thực hiện 5.031.790/15.000.000 đồng, đạt 34% DT tỉnh & HĐND, bằng 51% so với cùng kỳ năm 2020. Khoản thu này do tình quản lý.

9. Thu khác ngân sách : Thực hiện 2.747.994.109/1.300.000.000 đồng, đạt và vượt 111% so với DT tỉnh & HĐND, tăng 55% so với cùng kỳ năm 2020. Khoản thu này vượt chỉ tiêu do trong năm có khoản nộp trả của cơ quan trực thuộc ngân sách tỉnh. Các khoản thu khác còn lại chủ yếu thu từ các khoản tiền phạt, các khoản tịch thu, thu tiền cho thuê bán tài sản, thu hồi các khoản chi năm trước và một số khoản thu khác.

10. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 7.465.679 đồng, khoản thu này tỉnh ra quyết định thu, không có trong dự toán đầu năm.

II. Quyết toán thu ngân sách huyện:

Tổng thu ngân sách huyện (Không kể thu bổ sung cho ngân sách cấp dưới): **449.463.829.176 đồng**

- | | |
|---|----------------------|
| 1. Tổng thu NS huyện được hưởng theo phân cấp: | 16.506.866.340 đồng |
| - Các khoản thu NS huyện được hưởng 100%: | 5.184.808.211 đồng |
| - Các khoản thu phân chia NS huyện được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%): | 11.322.058.129 đồng |
| 2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: | 349.177.650.700 đồng |
| - Thu bổ sung cân đối : | 291.173.000.000 đồng |

- Thu bổ sung có mục tiêu:	58.004.650.700 đồng
3. Thu kết dư ngân sách năm trước:	27.039.681.132 đồng
4. Thu chuyên nguồn từ ngân sách năm trước:	53.509.291.322 đồng
5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên:	3.230.339.682 đồng

Trong đó thu bổ sung có mục tiêu bao gồm: kinh phí mua gạo cứu đói cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán 4.026 tr.đ, kinh phí bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là 1.757 tr.đ, kinh phí kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất 2019 là 1.345 tr.đ, kinh phí kiên cố hóa kênh mương giao thông nông thôn 3 tỷ đồng, kinh phí hỗ trợ đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số 10.981 tr.đ, kinh phí chuyển đổi cây trồng 4.017 tr.đ, kinh phí thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm 205 tr.đ, kinh phí mua xe ô tô 2.042 tr.đ (02 xe), kinh phí theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP và Quyết định số 861/QĐ-TTg 18.699 tr.đ, kinh phí mua sắm quân trang dự bị động viên 938 tr.đ, kinh phí trang phục HĐND theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND 353 tr.đ, kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021//NĐ-CP 933 tr.đ, kinh phí địa bàn phụ trách 3.200 triệu đồng và một số kinh phí bổ sung khác.

B. Quyết toán chi ngân sách huyện: (Không kể chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới)

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 là: 440.925.723.364/303.432.000.000 đồng, vượt 45% so với dự toán tỉnh giao và dự toán Hội đồng nhân dân huyện trong đó:

- Chi ngân sách cấp huyện: 348.624.339.882/241.611.000.000 đồng, vượt 44% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao.

- Chi ngân sách cấp xã: 92.301.383.482/51.612.000.000 triệu đồng, vượt 79% so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao.

I. Chi cân đối ngân sách:

Tổng chi cân đối ngân sách năm 2021 là: 419.659.383.682/293.223.000.000 đồng, vượt 43% so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện và vượt 38% so với dự toán tỉnh giao (419.659.383.682/303.432.000.000).

Năm 2021 là năm được cho phép tiếp tục kéo dài thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020. Căn cứ dự toán chi ngân sách trên địa bàn huyện đã được HĐND huyện thông qua và phê chuẩn Nghị quyết, UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan tài chính luôn bám sát vào nhiệm vụ ngân sách được giao để tham mưu kịp thời, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn, đảm bảo tiến độ chi ngân sách để phục vụ cho công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện. Nhìn chung ngân sách huyện đã đảm bảo kịp thời, đầy đủ theo dự toán như chi đầu tư xây dựng cơ bản, chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chi bổ sung cho ngân sách xã và các nhu cầu chi thường xuyên ở địa phương. Phương pháp đánh giá chủ yếu là so sánh số liệu quyết toán chi

của từng lĩnh vực trong từng cấp ngân sách so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện quyết định, bên cạnh đó cộng thêm số bổ sung trong năm để so sánh với thực tế phát sinh. Cụ thể một số lĩnh vực chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển:

Tổng chi đầu tư phát triển năm 2021 là 69.088.871.500/33.177.000.000 đồng, vượt 108% so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện quyết định và vượt 59% so với dự toán của tỉnh giao, trong đó:

1.1. Chi đầu tư XD CB tập trung thuộc nguồn vốn phân cấp với tổng số vốn giải ngân là 29.961.307.500/30.321.000.000 đồng, đạt 99% so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao, bao gồm:

- Ngân sách cấp huyện thanh toán với tổng số vốn: 19.334.708.500/19.643.000.000 đồng, đạt 98% so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao. Chi đầu tư từ nguồn vốn phân cấp cấp huyện chưa đạt 100% kế hoạch vốn do một số công trình sau khi thanh quyết toán còn thừa vốn so với kế hoạch giao.

- Ngân sách cấp xã thanh toán với tổng số vốn: 10.626.599.000/10.678.000.000 đồng, đạt 99,5% so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao.

1.2. Chi từ nguồn chuyên nguồn: 11.135.445.000/14.875.832.236 đồng, đạt 75% dự toán, trong đó:

- Cấp huyện 10.187.481.000/13.484.457.236 đồng, đạt 76% dự toán.

- Cấp xã 947.964.000/1.391.375.000 đồng, đạt 68% dự toán.

1.3. Chi đầu tư phát triển theo Quyết định UBND tỉnh và NS cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán: 17.062.187.000/17.177.000.000 đồng, đạt 99,3% kế hoạch, trong đó:

- Ngân sách cấp huyện thanh toán với tổng số vốn là 9.915.311.000 đồng.

- Ngân sách cấp xã thanh toán với tổng số vốn là 7.146.876.000 đồng.

Trong đó: Thanh toán các dự án thuộc nguồn vốn Hỗ trợ địa bàn phụ trách: 3.171.205.000 đồng; kiên cố hoá giao thông nông thôn 2.986.544.000 đồng, bổ sung có mục tiêu khác 10.904.438.000 đồng.

1.4. Chi đầu tư từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách huyện: 10.755.777.000 đồng, trong đó:

- Cấp huyện: 6.248.176.000 đồng

- Cấp xã 4.507.601.000 đồng

1.5. Chi đầu tư từ nguồn kết dư ngân sách (cấp xã 174.155.000 đồng)

2. Chi thường xuyên:

Chi thường xuyên năm 2021 thực hiện 284.026.872.712 đồng, vượt 13% so với dự toán tỉnh giao (252.438.000.000 đồng) và vượt 14% dự toán Hội đồng

nhân dân huyện (249.573.000.000 đồng), trong đó: Chi ngân sách cấp huyện: 224.454.011.158/209.519.000.000 đồng, đạt 107% so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao; chi ngân sách cấp xã: 59.572.861.554/40.054.000.000 đồng, vượt 49% so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao.

Có 11/12 chỉ tiêu đạt và vượt dự toán tỉnh và huyện giao. Cụ thể ở một số lĩnh vực cơ bản sau:

2.1. Chi an ninh, quốc phòng: 10.709 tr.đ, đạt 140% so với dự toán tỉnh giao và bằng 159,8% dự toán HĐND huyện giao, bằng 120,8% so với thực hiện năm 2020. Do dự toán giao do trong năm ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu trang bị cơ sở vật chất nhà truyền thống lực lượng vũ trang 469 tr.đ, kinh phí ban bảo vệ dân phố 180 tr.đ, kinh phí đảm bảo vật chất, hậu cần, chế độ phụ cấp phòng chống dịch 1.337 tr.đ, kinh phí xây dựng hàng rào Ban Chỉ huy quân sự 985 tr.đ và một số nhiệm vụ chi khác.

2.2. Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề: 137.674 tr.đ, đạt 101% so với dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao, bằng 108% so với thực hiện năm 2020. Dự toán tăng do phát sinh một số nhiệm vụ như kinh phí theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP và Quyết định số 861/QĐ-TTg 9.739 tr.đ, kinh phí chênh lệch tiền lương hợp đồng lao động theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP 1.445 tr.đ, đồng thời các khoản chi an sinh xã hội năm 2021 không thực hiện hết nộp trả ngân sách cấp trên 4.183 tr.đ và một số nhiệm vụ chi khác.

2.3. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 10 tr.đ, khoản chi này không có giao trong dự toán đầu năm và được ngân sách tỉnh cấp bổ sung trong năm 10 tr.đ.

2.4. Chi văn hoá thông tin: 3.763 tr.đ, đạt 250% so với dự toán tỉnh giao và 290% dự toán HĐND huyện giao, bằng 164% so với thực hiện năm 2020. Chủ yếu phát sinh một số nhiệm vụ như kinh phí theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP và Quyết định số 861/QĐ-TTg 211 tr.đ, kinh phí Nâng cấp sửa chữa Thư viện và tường rào 1.079 tr.đ, kinh phí làm đàn đá 500 tr.đ và một số nhiệm vụ chi khác.

2.5. Chi phát thanh truyền hình: 1.622 tr.đ, đạt 88% so với dự toán tỉnh giao và 116% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 111% so với thực hiện năm 2020, nguyên nhân do bổ sung kinh phí theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP và Quyết định số 861/QĐ-TTg 231 tr.đ và điều chỉnh một số nhiệm vụ chi khác.

2.6. Chi thể dục thể thao: 1.665 tr.đ, đạt 222% so với dự toán tỉnh giao và 211% dự toán HĐND huyện giao, bằng 87% so với thực hiện năm 2020. Do phát sinh một số nhiệm vụ như bổ sung kinh phí theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP và Quyết định số 861/QĐ-TTg 113 tr.đ, kinh phí xây dựng sân bóng đá mini cỏ nhân tạo xã Sơn Trung 645 tr.đ và điều chỉnh một số nhiệm vụ chi khác.

2.7. Chi bảo vệ môi trường: 3.857 tr.đ, đạt 257% so với dự toán tỉnh giao và 151% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 85% so với thực hiện năm



2020. Do bổ sung một số nhiệm vụ kinh phí sự nghiệp môi trường 100 tr.đ, kinh phí xây dựng kè chống sạt lở khu vực bãi rác thôn Hòn Dung 1.115 tr.đ và điều chỉnh một số nhiệm vụ chi khác.

2.8. Chi sự nghiệp kinh tế: 27.547 tr.đ, đạt 110 % so với dự toán tỉnh giao và 112% dự toán huyện giao, bằng 80,7% thực hiện năm 2020 do trong năm tỉnh có bổ sung mục tiêu một số nhiệm vụ như kinh phí kiểm kê đất đai 1.324 tr.đ, kinh phí thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm 205 tr.đ, kinh phí thực hiện các công trình điện chiếu sáng 1.995 tr.đ, kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp 2.415 tr.đ và một số nhiệm vụ chi khác.

2.9. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: 77.745 tr.đ, đạt 120% so với dự toán tỉnh giao và đạt 122% so với dự toán huyện giao, bằng 110% so với thực hiện năm 2020. Chủ yếu do phát sinh một số nhiệm vụ như bầu cử HĐND các cấp 1.657 tr.đ, kinh phí theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP và Quyết định số 861/QĐ-TTg 7.266 tr.đ, kinh phí mua sắm ô tô chuyên dùng Văn phòng HĐND&UBND 850 tr.đ, kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác chung Văn phòng Huyện uỷ 1.237 tr.đ, kinh phí mua sắm trang thiết bị và một số nhiệm vụ khác.

2.10. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 16.690 tr.đ, đạt 151 % so với dự toán tỉnh giao và 154% dự toán HĐND huyện giao, bằng 60,4% thực hiện năm 2020. Chủ yếu do tỉnh bổ sung kinh phí mua gạo cứu đói hỗ trợ nhân dân dịp Tết nguyên đán 4.026 tr.đ, kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội 630 tr.đ, kinh phí tổng rà soát hộ nghèo 151 tr.đ, kinh phí hỗ trợ, vận chuyển bốc xếp gạo 744 tr.đ, kinh phí hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP là 742 tr.đ.

2.11 Chi khác: 2.550 tr.đ, đạt 254% so với dự toán tỉnh giao và 152% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 279% so với thực hiện năm 2020. Nguyên nhân do trong năm hoàn trả tạm ứng cho vay hộ nghèo các năm trước 1.400 tr.đ, bổ sung kinh phí hỗ trợ cho vay hộ nghèo năm 2021 là 500 tr.đ và điều chỉnh một số nhiệm vụ chi khác.

Một số lĩnh vực chi không đạt dự toán HĐND giao:

- Chi sự nghiệp y tế: số tiền 193 tr.đ, đạt 67% so với dự toán tỉnh giao và dự toán huyện giao, bằng 50% thực hiện năm 2020, nguyên nhân do trong năm đối tượng học sinh được hưởng chế độ mua thẻ BHYT giảm so với năm trước.

III. Tình hình sử dụng các nguồn tài chính:

1. Nguồn kết dư:

- Nguồn kết dư năm trước chuyển sang: 27.039.681.132 đồng (cấp huyện 20.730.119.552 đồng, cấp xã 6.309.561.580 đồng).

- Đã phân bổ thực hiện trong năm: 25.332.600.616 đồng (cấp huyện 20.133.446.218 đồng, cấp xã 5.199.154.398 đồng). Trong đó nộp trả ngân sách cấp trên 20.881.339.682 đồng (cấp huyện 17.651.000.000 đồng, cấp xã 3.230.339.682 đồng)

- Số còn lại: 1.707.080.516 đồng (cấp huyện 596.673.334 đồng, cấp xã 1.110.407.182 đồng)

2. Nguồn chuyển nguồn:

a) Năm 2020 sang năm 2021:

- Nguồn năm trước chuyển sang: 53.509.291.322 đồng (cấp huyện 49.385.322.358 đồng, cấp xã 4.123.968.964 đồng).

- Đã phân bổ thực hiện trong năm: 34.799.699.032 đồng (cấp huyện 32.141.047.093 đồng, cấp xã 2.658.651.939 đồng).

- Số còn lại: 18.709.592.290 đồng (cấp huyện 17.244.275.265 đồng, cấp xã 1.465.317.025 đồng)

b) Năm 2021 sang năm 2022:

Số chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022: 66.543.639.470 đồng (cấp huyện 60.448.652.224 đồng, cấp xã 6.094.987.246 đồng), trong đó:

- Kinh phí được giao tự chủ: 3.764.522.563 đồng (cấp huyện 3.471.196.176 đồng, cấp xã 293.326.387 đồng).

- Kinh phí cấp bổ sung sau 30/9 đã phân bổ cho các đơn vị: 2.358.438.178 đồng (cấp huyện 2.358.438.178 đồng, cấp xã 0 đồng).

- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: 14.551.541.762 đồng (cấp huyện 12.703.784.824 đồng, cấp xã 1.847.756.938 đồng)

- Nguồn tiết kiệm chi: 40.568.231.962 đồng (cấp huyện 39.012.114.795 đồng, cấp xã 1.556.117.167 đồng).

- Nguồn tăng thu: 2.133.852.756 đồng (cấp huyện 859.269.152 đồng, cấp xã 1.274.583.604 đồng), trong đó:

+ Tăng thu tiền sử dụng đất (cấp huyện 0 đồng, cấp xã 1.195.328.784 đồng).

+ Tăng thu dự toán còn lại: 938.523.972 đồng (cấp huyện 859.269.152 đồng, cấp xã 79.254.820 đồng).

3. Nguồn dự phòng:

- Nguồn dự phòng giao đầu năm: 5.963.000.000 đồng (cấp huyện 5.083.000.000 đồng, cấp xã 880.000.000 đồng).

- Số bổ sung vào nguồn dự phòng trong năm từ nguồn tiết kiệm chi 6 tháng cuối năm: 1.547.000.000 đồng (cấp huyện 852.000.000 đồng, cấp xã 695.000.000 đồng).

- Số đã phân bổ trong năm: 4.440.870.000 đồng (cấp huyện 3.030.804.000 đồng, cấp xã 1.410.066.000 đồng).

- Số còn lại: 3.069.130.000 đồng (cấp huyện 2.904.196.000 đồng, cấp xã 164.934.000 đồng). Cụ thể:

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Tổng số	NS cấp huyện	NS cấp xã
1. Nguồn dự phòng NS các cấp	7.510	5.935	1.575
2. Kinh phí đã sử dụng năm 2021	4.441	3.031	1.410
<i>Chi đột xuất theo lĩnh vực</i>	<i>4.441</i>	<i>3.031</i>	<i>1.410</i>
Chi đảm bảo xã hội (<i>bổ xấp, vận chuyển trợ cấp gạo cứu đói Covid</i>)	750	744	6
Chi cho sự nghiệp kinh tế (<i>Phun tiêu độc môi trường...</i>)	311	217	94
Chi QLNN (<i>ban chỉ đạo, kinh phí chế độ phòng chống Covid...</i>)	1.357	56	1.301
Chi an ninh – quốc phòng (<i>kinh phí đảm bảo vật chất hậu cần phòng chống dịch...</i>)	1.395	1.389	6
Chi một số nhiệm vụ khác (<i>hỗ trợ tiêm vắc xin, vật tư y tế chống dịch Covid</i>)	26	625	3
Còn lại (1- 2)	3.069	2.904	165

4. Nguồn cải cách tiền lương:

- Nguồn năm trước chuyển sang 5.813.542.862 (cấp huyện 4.772.940.468 đồng, cấp xã 1.040.602.934 đồng)

- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán đầu năm: 5.661.000.000 đồng (cấp huyện 4.363.000.000 đồng, cấp xã 1.298.000.000 đồng).

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương cấp huyện: 1.645.000.000 đồng

- Tăng thu thực hiện CCTL thực hiện năm 2020 cấp xã 65.826.631 đồng.

- Số đã sử dụng trong năm: 823.717.000 đồng (cấp huyện 82.117.000 đồng – chi nghỉ hưu trước tuổi và trợ cấp thôi việc; cấp xã 741.600.000 đồng – chi hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP).

- Số còn lại: 12.361.652.493 đồng (cấp huyện 10.698.823.468 đồng, cấp xã 1.662.829.025 đồng).

5. Nguồn tiết kiệm chi:

- Số năm trước chuyển sang: cấp huyện 26.616.847.868 đồng

- Số đã phân bổ năm 2021: 18.208.926.868 đồng, trong đó:

+ Chi đầu tư: 10.942.105.100 đồng (cấp huyện 6.401.105.100 đồng, cấp xã 4.541.000.000 đồng)

+ Chi thường xuyên: 7.266.821.768 đồng (bổ sung kinh phí bảo tồn chế tác nhạc cụ đàn đá 627 triệu đồng, trợ cấp thôi việc giáo viên các trường học 116 triệu đồng, kinh phí cho vay ngân hàng chính sách 500 triệu đồng, kinh phí quỹ hỗ trợ nông dân 300 triệu đồng, kinh phí 60 năm thành lập lực lượng vũ trang 150 triệu đồng, kinh phí mua sắm trang thiết bị cho một số cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn 525 triệu đồng, kinh phí đo đạc, chỉnh lý cấp giấy chứng nhận cấp xã 1.051 triệu đồng, kinh phí lắp đặt pano tuyên truyền người có công, người khuyết tật 192 triệu đồng, kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất 2021 là 1.239 triệu đồng... và một số nhiệm vụ chi khác.

- Số còn lại cấp huyện: 8.407.921.000 đồng

6. Nguồn dự toán năm 2021 còn lại chưa phân bổ:

a) Nguồn sự nghiệp y tế:

- Số dự toán đầu năm: 290.000.000 đồng

- Số đã phân bổ năm 2021: 193.080.000 đồng (bảo hiểm y tế học sinh)

- Số còn lại: 96.920.000 đồng

b) Nguồn sự nghiệp giáo dục chưa phân bổ:

- Số dự toán đầu năm: 1.588.000.000 đồng

- Số đã phân bổ năm 2021: 190.647.000.000 đồng (chi trợ cấp thôi việc cho các trường học)

- Số còn lại: 1.397.353.000 đồng

c) Nguồn biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển:

- Số dự toán đầu năm: 1.942.000.000 đồng

- Số đã phân bổ năm 2021: 765.201.000 đồng (bổ sung kinh phí lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho một số cơ quan, đơn vị)

- Số còn lại: 1.176.799.000 đồng

d) Nguồn chuyển nguồn còn lại chưa phân bổ:

- Số dự toán đầu năm: 2.000.000.000 đồng

- Số đã phân bổ năm 2021: 1.995.000.000 đồng (kinh phí thực hiện các công trình điện chiếu sáng)

- Số còn lại: 5.000.000 đồng

e) Nguồn tiền điện hộ nghèo chưa phân bổ:

- Số dự toán đầu năm: 1.429.000.000 đồng

- Số đã phân bổ năm 2021: 1.154.880.144 đồng

- Số còn lại: 274.119.856 đồng



g) Nguồn chi khác:

- Số dự toán đầu năm: 1.500.000.000 đồng
- Số đã phân bổ năm 2021: 1.053.055.000 đồng (bổ sung kinh phí hoạt động VP Huyện uỷ 105 tr.đ, kinh phí mua sắm bàn ghế trang bị phòng học điểm trường Tiểu học Dốc Gạo 84 tr.đ, hỗ trợ các đơn vị quan hệ ngân sách khác 228 tr.đ, bổ sung ngân sách xã 230 tr.đ và một số nhiệm vụ chi khác)
- Số còn lại: 446.945.000 đồng

h) Nguồn sự nghiệp kinh tế chưa phân bổ:

- Số dự toán đầu năm: 17.411.000.000 đồng
- Số đã phân bổ năm 2021: 17.341.657.000 đồng (bổ sung thực hiện sửa chữa xây dựng một số công trình sự nghiệp có tính chất đầu tư)
- Số còn lại: 69.343.000 đồng

7. Nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh

- Nguồn ngân sách bổ sung sau 30/9 chưa phân bổ năm trước chuyển sang: 2.580.032.000 đồng (cấp huyện 2.000.000.000 đồng, cấp xã 580.032.000 đồng).

- Số kinh phí ngân sách cấp tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện năm 2021 là 58.004.650.700 đồng.

- Số đã phân bổ năm 2021: 54.333.315.901 đồng
- Số đã quyết toán năm 2021: 52.948.157.153 đồng
- Số còn lại, bao gồm:
 - + Số được chuyển nguồn theo quy định: 3.645.960.254 đồng (cấp huyện 3.622.604.104 đồng, cấp xã 23.356.150 đồng)
 - + Số còn lại: 4.021.565.293 đồng (cấp huyện 1.805.300.343 đồng, cấp xã 2.216.264.950 đồng)

IV. Công tác sử dụng nguồn chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid - 19

Tổng kinh phí chi cho Covid-19 năm 2021 trên địa bàn huyện Khánh Sơn là 4.438.090.000 đồng, trong đó:

- 1. Chi chế độ phòng chống dịch:** 2.028.173.000 đồng
 - Chi chế độ theo Nghị quyết số 16/NQ-CP: 1.692.478.000 đồng
 - Chi tăng thêm theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND tỉnh: 335.695.000 đồng
- 2. Chi hỗ trợ người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP:** 741.600.000 đồng, trong đó:
 - Chi hỗ trợ hộ kinh doanh: 66.000.000 đồng
 - Chi hỗ trợ lao động không có giao kết HĐLĐ: 675.600.000 đồng

3. Các khoản chi khác: 1.668.317.000 đồng

- Kinh phí bảo đảm vật chất, hậu cần khu cách ly: 271.205.000 đồng
 - Kinh phí mua sắm vật tư y tế, công cụ dụng cụ phòng chống dịch: 479.930.000 đồng

- Một số nội dung khác: 917.182.000 đồng

Trong đó chi từ nguồn dự phòng ngân sách huyện, xã 3.624.135.000 đồng, nguồn cải cách tiền lương cấp xã 741.600.000 đồng, nguồn dự toán hoạt động quốc phòng (tiền ăn dân quân): 72.355.000 đồng.

V. Chi nộp ngân sách cấp trên:

Tổng chi nộp ngân sách cấp trên năm 2021 là: 18.036.000.000 đồng, trong đó:

- Từ nguồn kết dư ngân sách cấp huyện 17.651.000.000 đồng, các khoản nộp trả đã hết nhiệm vụ chi.

- Từ nguồn ngân sách cấp dưới nộp lên: 385.000.000 đồng (xây dựng sân thể thao xã Sơn Hiệp).

VI. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:

Tổng nguồn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021 là 3.541.765.714 đồng (cấp huyện 2.346.436.930 đồng, cấp xã 1.195.328.784 đồng).

Tổng kinh phí đã sử dụng từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2021 là 2.104.000.000 đồng, cấp huyện chi đầu tư công trình Nâng cấp nôi dài Đường Lê Duẩn (Đoạn gần Hạt Kiểm Lâm đến ngã ba đường Nguyễn Du) cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn.

Số kinh phí còn lại là 1.437.765.714 đồng (cấp huyện 242.436.930 đồng được theo dõi tại nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện năm 2021, cấp xã 1.195.328.784 đồng được theo dõi tại nguồn tăng thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp xã).

C. Quyết toán chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu: tổng chi 7.242.086.000 đồng, cụ thể:

- Chi CTMTQG giảm nghèo: 7.190.786.000 đồng (Đường từ cầu tràn Suối Lớn đến xã Ba Cạm Bắc 7.091.814.000 đồng, Đường BTXM vào trục nội đồng thôn Tà Gụ 98.972.000 đồng).

- Chương trình MTQG phát triển lâm nghiệp bền vững: 51.300.000 đồng.

D. Báo cáo tình hình thực hiện các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương: Nội dung này không phát sinh trong năm.

E. Báo cáo Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương: niên độ ngân sách 2021 thực hiện kiểm toán trong



năm 2022, đến thời điểm lập báo cáo quyết toán chưa có kết quả kiểm toán. Vì vậy UBND huyện sẽ báo HĐND huyện vào kỳ họp gần nhất.

F. Đánh giá chung:


1. Về quyết toán thu ngân sách nhà nước:

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn khóa VIII, kỳ họp thứ 11 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện; phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2021; năm 2021 là năm cho phép tiếp tục kéo dài thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, kinh tế - xã hội huyện có nhiều khó khăn do hạn hán, mưa lũ, đặc biệt tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân và hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó làm giảm các khoản thu ngân sách nhưng với nỗ lực của các cấp, các ngành và các cơ quan liên quan đến hoạt động thu thuế đã tăng cường tuyên truyền, chủ động đề xuất các giải pháp để UBND huyện chỉ đạo điều hành về quản lý thu, kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, hạn chế nợ đọng thuế, tăng cường chống thất thu, chống gian lận thuế và khai thác tăng thêm nguồn thu mới cho ngân sách từ đó đã đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ chi ngân sách huyện đã đề ra.


2. Về quyết toán chi ngân sách huyện:

Nhìn chung năm 2021, tình hình kinh tế- xã hội toàn tỉnh nói chung và huyện Khánh Sơn nói riêng có nhiều khó khăn như hạn hán, mưa lũ, dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp. Tuy nhiên với sự điều hành ngân sách chặt chẽ nên công tác chi ngân sách huyện năm 2021 cơ bản đã đáp ứng kịp thời yêu cầu chi tiêu của tất cả các lĩnh vực chi được phân cấp, góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, đáp ứng kịp thời chế độ chính sách cho người có công và chăm lo đời sống nhân dân; phòng, chống và khắc phục kịp thời hậu quả hạn hán, mưa lũ, dịch bệnh; giải quyết kịp thời các khoản chi phát sinh phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện; công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách của các đơn vị thụ hưởng ngân sách từng bước thực hiện chi tiêu theo dự toán về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định 130/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ; đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ thuộc huyện quản lý (nay thay thế bằng Nghị định số 60/2021/NĐ-CP), góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Đối với nguồn dự phòng ngân sách: UBND huyện đã tổ chức triển khai tốt dự phòng ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã được sử dụng cho các nhiệm vụ: thực hiện các giải pháp cấp bách nhằm phòng chống thiên tai, dịch bệnh, hỗ trợ khắc phục hậu quả, các nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh; chi đảm bảo an sinh xã hội và các nhiệm vụ cần thiết phát sinh ngoài dự toán ngân sách đã được giao cho các đơn vị trực thuộc.

Trên đây là báo cáo quyết toán thu NSNN trên địa bàn và quyết toán chi ngân sách huyện năm 2021 (đính kèm các biểu mẫu theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, Nghị định số 31/2017/NĐ-Cp và các biểu mẫu thuyết minh liên quan)./. 

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực HĐND huyện;
- Thường trực UBND huyện;
- ĐB HĐND huyện;
- Lưu VT, TC-KH, 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nhuận



Handwritten marks at the top right corner.



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH SƠN

CÁN ĐỐI QUYẾT TOÀN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

Mẫu biểu số 60 - TT342/2016/TT-BTC

ĐVT: đồng

Phần thu	Tổng số	Thu NS cấp huyện	Thu NS cấp xã	Phân chi	Tổng số	Chi NS cấp huyện	Chi NS cấp xã
1	2	4	5	6	7	8	9
Tổng số thu	531.006.508.874	436.330.099.730	94.676.409.144	Tổng chi ngân sách	522.468.403.062	430.167.019.580	92.301.383.482
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	5.184.808.211	4.350.399.767	834.408.444	1. Chi đầu tư phát triển	69.088.871.500	45.685.676.500	23.403.195.000
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	11.322.058.129	9.456.267.671	1.865.790.458	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	0		
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính				3. Chi thường xuyên	284.026.872.712	224.454.011.158	59.572.861.554
4. Thu kết dư năm trước	27.039.681.132	20.730.119.552	6.309.561.580	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ Tài chính	0		
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	53.509.291.322	49.385.322.358	4.123.968.964	5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	81.542.679.698	81.542.679.698	
6. Thu viện trợ				6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	66.543.639.470	60.448.652.224	6.094.987.246
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	430.720.330.398	349.177.650.700	81.542.679.698	7. Chi nộp ngân sách cấp trên	21.266.339.682	18.036.000.000	3.230.339.682
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	341.522.000.000	291.173.000.000	50.349.000.000				
- Bổ sung có mục tiêu	89.198.330.398	58.004.650.700	31.193.679.698				
8. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	3.230.339.682	3.230.339.682	0				
Kết dư ngân sách	8.538.105.812	6.163.080.150	2.375.025.662				

Ngày 04 tháng 4 năm 2022

GIÁM ĐỐC UBND HUYỆN PHẠM PHƯƠNG CÔNG PHÁT



Ngày 01 tháng 4 năm 2022

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH



Ngày 04 tháng 4 năm 2022

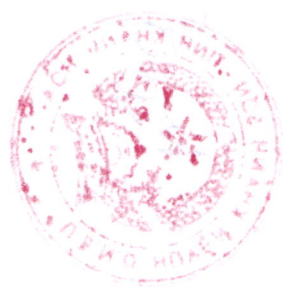
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



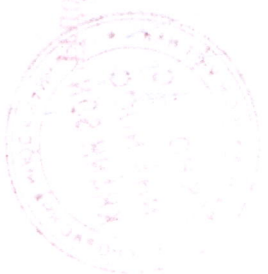
PHƯƠNG CÔNG PHÁT

Nguyễn Ngọc Hải

Nguyễn Văn Nhuận



Handwritten text in the middle left area.



Handwritten text in the lower middle area.

Handwritten text in the middle right area.

Handwritten text in the lower right area.



Mẫu biểu số 61 - TT342/2016/TT-BTC

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH SƠN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	Phân chia theo từng cấp ngân sách					Số sánh QT/DT (%)		Thực hiện năm trước	So sánh QT năm/năm trước
		Tỉnh giao	HDND huyện quyết định		Thu NSTW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS cấp xã	Tỉnh giao	HDND huyện quyết định	(8)-(3)/(1)		
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)-(3)/(10)	
A	Tổng số (A+B+C+D+E)	307.603.000.000	297.394.000.000	538.263.816.173	4.360.405.652	2.896.901.647	436.330.099.730	94.676.409.144	175%	181%	611.061.468.777	88%	
A	Thu ngân sách nhà nước	16.430.000.000	16.430.000.000	23.764.173.639	4.360.405.652	2.896.901.647	13.806.667.438	2.700.198.902	145%	145%	19.836.399.814	120%	
1	Thu từ DNNN Trung ương			0	0	0					17.759		
1.1	Thuế GTGT			0							17.759		
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp												
1.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt												
1.4	Thuế tài nguyên												
2	Thu từ DNNN địa phương			121.122.984	33.914.433	87.208.551	0	0			97.498.461	124%	
2.1	Thuế GTGT			76.811.240	21.507.147	55.304.093					42.866.509	179%	
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp			44.311.744	12.407.286	31.904.458					34.631.952	81%	
2.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt			0									
2.4	Thuế tài nguyên			0									
2.5	Thu khác			0									
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài												
3.1	Thuế GTGT												
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp												
3.3	Thu từ khu thiên nhiên												
3.4	Thuế TTDB												
3.5	Thuế tài nguyên												
3.6	Tiền thuế mặt đất, mặt nước												
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	8.400.000.000	8.400.000.000	10.806.032.671	3.025.669.119	0	7.109.901.878	670.461.674	129%	129%	9.256.374.451	117%	
4.1	Thuế GTGT	7.200.000.000	7.200.000.000	10.495.344.044	2.938.696.232	0	6.886.186.138	670.461.674	146%	146%	8.124.338.056	129%	
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000.000.000	1.000.000.000	310.617.490	86.972.887	0	223.644.603		31%	31%	1.022.366.433	30%	
4.3	Thuế TTDB												
4.4	Thuế tài nguyên	200.000.000	200.000.000	71.137			71.137		0%	0%	109.669.962	0%	
4.5	Thu khác												
5	Lệ phí trước bạ	2.500.000.000	2.500.000.000	4.067.442.444									
5.1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp												
5.2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp												
5.3	Thuế thu nhập cá nhân												
5.4	Thuế bảo vệ môi trường												
5.5	Thu phi, lệ phí												
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.400.000.000	1.400.000.000	1.894.301.616	530.404.211	1.363.897.405			135%	135%	1.687.771.851	112%	
6.1	Thu phi, lệ phí												
6.2	Thu phi, lệ phí Trung ương	400.000.000	400.000.000	576.382.397	207.346.397	0	115.021.000	254.015.000	144%	144%	392.682.157	147%	
6.3	Thu phi, lệ phí tỉnh	45.000.000	45.000.000	207.346.397	207.346.397	0			461%	461%	55.230.348	375%	
6.4	Thu phi, lệ phí huyện	25.000.000	25.000.000	43.436.300			43.436.300		79%	79%	26.298.830	165%	
6.5	Thu phi, lệ phí xã	200.000.000	200.000.000	157.634.700			71.584.700	86.050.000	79%	79%	169.715.979	93%	
6.6	Thu phi, lệ phí xã	130.000.000	130.000.000	167.965.000				167.965.000	129%	129%	141.437.000	119%	
6.7	Thu tiền sử dụng đất	2.400.000.000	2.400.000.000	3.541.765.714			2.346.436.930	1.195.328.784	148%	148%	3.215.501.224	110%	
6.8	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý			0									
6.9	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý			3.541.765.714			2.346.436.930	1.195.328.784	148%	148%	3.215.501.224	110%	
12	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	2.400.000.000	2.400.000.000	3.541.765.714									
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển	15.000.000	15.000.000	5.031.790							9.942.500	51%	
14	Thu từ bán tài sản nhà nước			0									
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước			0									

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	Phân chia theo từng cấp ngân sách					So sánh QTD/T (%)		Thực hiện năm trước	So sánh QT năm/năm trước
		Tính giao	HDND huyện quyết định		Thu NSTW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS cấp xã	Tính giao	HDND huyện quyết định			
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)/(1)	(9)=(3)/(2)	(10)	(11)=(3)/(10)	
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN			0									
17	Thu khác ngân sách	1.300.000.000	1.300.000.000	2.747.994.109	563.071.492	1.436.695.600	486.249.042	261.977.975	211%	211%	1.776.743.853	155%	
	<i>Trong đó: - Thu khác ngân sách trong ương</i>	400.000.000	400.000.000	563.071.492	563.071.492				141%	141%	538.878.563	101%	
18	Thu khác ngân sách xã		15.000.000	4.068.301		4.068.301			27%	27%	7.465.679	54%	
20	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công san khác												
21	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế												
22	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết												
II	Thu về đầu tư												
III	Thu bất quan												
1	Thuế xuất khẩu												
2	Thuế nhập khẩu												
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu												
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu												
5	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam												
6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu												
7	Thuế bảo vệ môi trường												
8	Phí và lệ phí hải quan												
9	Thu khác												
IV	Thu viện trợ (không kể viện trợ về cho vay lại)												
V	Các khoản huy động, đóng góp												
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng												
2	Các khoản huy động đóng góp khác												
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính												
B	Vay của ngân sách địa phương	291.173.000.000	280.964.000.000	433.950.670.080	0	0	352.407.990.382	81.542.679.698			500.470.787.495		
C	Thu chuyển giao ngân sách	291.173.000.000	280.964.000.000	430.720.330.398	0	0	349.173.650.700	81.542.679.698			497.133.321.495		
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	291.173.000.000	278.108.000.000	341.522.000.000	0	0	291.173.000.000	50.349.000.000			337.914.000.000		
1	Bổ sung cân đối		2.856.000.000	89.198.330.398	0	0	58.004.650.700	31.193.679.698			159.219.321.495		
2	Bổ sung có mục tiêu			89.198.330.398			58.004.650.700	31.193.679.698					
2.1	- Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước												
2.2	- Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước												
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			3.230.339.682			3.230.339.682				3.337.466.000		
D	Thu chuyển nguồn			53.509.291.322			49.385.322.358	4.123.968.964			59.742.001.497		
E	Thu kết dư ngân sách			27.039.681.132			20.730.119.552	6.309.561.580			31.012.279.971		

Ngày 04 tháng 4 năm 2022
 GIAM ĐỐC KBNH HỀ NẾP PHƯƠNG

Trương Công Phát

Ngày 01 tháng 4 năm 2022
 PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Nguyễn Ngọc Hải

Ngày 04 tháng 4 năm 2022
 BAN AN PHẠM

CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nhuận

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

Đơn vị: đồng

Nội dung các khoản chi	Dự toán		HDND huyện quyết định	Tổng số	Quyết toán		So sánh QT/DT (%)		Thực hiện năm trước	So sánh QT năm trước/năm nay
	Tình giao	HDND huyện quyết định			Chi NS cấp huyện	Chi NS cấp xã	Tình giao	HDND huyện quyết định		
A. Chi cân đối ngân sách	303.432.000.000	293.223.000.000	293.223.000.000	419.659.383.682	330.588.339.882	89.071.043.800	138%	143%	454.269.530.582	108%
I. Chi đầu tư phát triển	43.386.000.000	33.177.000.000	33.177.000.000	69.088.871.500	45.685.676.500	23.403.195.000	159%	208%	121.202.788.492	175%
1. Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực	43.386.000.000	33.177.000.000	33.177.000.000	69.088.871.500	45.685.676.500	23.403.195.000	159%	208%	121.202.788.492	175%
I.1 Chi đầu tư từ dự toán	43.386.000.000	33.177.000.000	33.177.000.000	69.088.871.500	45.685.676.500	23.403.195.000	159%	208%	121.202.788.492	175%
1.1. Chi quốc phòng				0						
1.2. Chi an ninh trật tự				0						
1.3. Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề				8.858.162.000	8.559.600.000	298.562.000			4.474.816.000	51%
1.4. Chi khoa học công nghệ				0						
1.5. Chi y tế, dân số và gia đình				0						
1.6. Chi văn hóa thông tin				1.388.597.000	0	1.388.597.000			544.359.000	39%
1.7. Chi phát thanh, truyền hình, thông tin				0						
1.8. Chi thể dục thể thao				1.287.573.000	0	1.287.573.000			1.065.107.000	83%
1.9. Chi bao vệ môi trường				0	0	0			2.530.036.000	
1.10. Chi các hoạt động kinh tế				46.580.509.500	29.675.948.500	16.904.561.000			97.116.381.500	208%
1.11. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đang, đoàn thể				10.974.030.000	7.450.128.000	3.523.902.000			15.472.088.992	141%
1.12. Chi đảm bảo xã hội				0	0	0				
1.13. Chi ngành, lĩnh vực khác				0	0	0				
2. Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích...				0	0	0				
3. Chi đầu tư phát triển khác				0	0	0				
II. Chi trả nợ lãi vay theo quy định										
III. Chi thường xuyên	252.438.000.000	249.573.000.000	249.573.000.000	284.026.872.712	224.454.011.158	59.572.861.554	113%	114%	279.557.450.768	98%
3.1. Chi quốc phòng	5.893.000.000	4.754.000.000	4.754.000.000	8.566.285.314	4.009.116.000	4.557.169.314	145%	180%	7.211.296.506	84%
3.2. Chi an ninh trật tự	1.928.000.000	1.947.000.000	1.947.000.000	2.142.437.261	1.405.993.000	736.442.261	111%	110%	1.654.820.908	77%
3.3. Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	136.724.000.000	135.843.000.000	135.843.000.000	137.674.591.141	137.371.636.141	302.955.000	101%	101%	126.973.464.522	92%
3.4. Chi khoa học công nghệ				10.000.000	10.000.000	0			10.000.000	100%
3.5. Chi y tế, dân số và gia đình	290.000.000	290.000.000	290.000.000	193.080.000	193.080.000	0	67%	67%	383.000.000	198%
3.6. Chi văn hóa thông tin	1.505.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000	3.763.489.598	2.411.683.728	1.351.805.870	250%	290%	2.297.751.671	61%
3.7. Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	1.843.000.000	1.393.000.000	1.393.000.000	1.621.789.576	1.381.598.363	240.191.213	88%	116%	1.464.888.512	90%
3.8. Chi thể dục thể thao	749.000.000	789.000.000	789.000.000	1.665.313.006	778.319.389	886.993.617	222%	211%	1.903.194.412	114%
3.9. Chi bao vệ môi trường	1.500.000.000	2.547.000.000	2.547.000.000	3.857.732.960	3.602.275.560	255.457.400	257%	151%	4.557.773.480	118%
3.10. Chi các hoạt động kinh tế	25.020.000.000	24.704.000.000	24.704.000.000	27.547.267.013	14.790.795.258	12.756.471.755	110%	112%	34.107.516.995	124%
3.11. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đang, đoàn thể	64.901.000.000	63.476.000.000	63.476.000.000	77.744.821.689	40.691.029.621	37.053.792.068	120%	122%	70.464.048.499	91%
3.12. Chi đảm bảo xã hội	11.083.000.000	10.860.000.000	10.860.000.000	16.690.007.154	15.407.071.098	1.282.936.056	151%	154%	27.617.735.463	165%

Nội dung các khoản chi	Dự toán		Quyết toán			So sánh QT/DT (%)		Thực hiện năm trước	So sánh QT năm trước/ năm nay
	Tình giao	HDND huyện quyết định	Tổng số	Chi NS cấp huyện	Chi NS cấp xã	Tình giao	HDND huyện quyết định		
3.13. Chi khác	1.002.000.000	1.674.000.000	2.550.058.000	2.401.411.000	148.647.000	254%	152%	911.959.800	36%
IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
V. Chi chuyên nguồn			66.543.639.470	60.448.652.224	6.094.987.246			53.509.291.322	80%
V1. Dự phòng chi	5.963.000.000	5.963.000.000							
V11. Nguồn thực hiện CCTL	1.645.000.000	4.510.000.000							
B. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			81.542.679.698	81.542.679.698	0			120.004.636.495	147%
1. Bổ sung cân đối			50.349.000.000	50.349.000.000				50.677.000.000	101%
2. Bổ sung có mục tiêu			31.193.679.698	31.193.679.698	0			69.327.636.495	222%
<i>Tr.đó: - Bảng nguồn vốn trong nước</i>			31.193.679.698	31.193.679.698					
<i>- Bảng nguồn vốn nước ngoài</i>									
C. Chi nộp ngân sách cấp trên			21.266.339.682	18.036.000.000	3.230.339.682			3.337.466.000	16%
Tổng số (A+B+C)	303.432.000.000	293.223.000.000	522.468.403.062	430.167.019.580	92.301.383.482			577.611.633.077	

Ngày 01 tháng 4 năm 2022

GIÁM ĐỐC KBNN HUYỆN PHẠM ĐÌNH

Ngày 01 tháng 4 năm 2022

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Ngày 04 tháng 4 năm 2022

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nhuận



Nguyễn Ngọc Hải

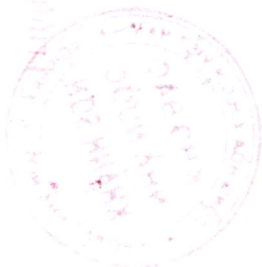


Nguyễn Trương Công Phát



ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ ՊԱՐԿԱՆԱԿ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ ՊԱՐԿԱՆԱԿ



Իրավունք